

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: 29/2020/HNGĐ – ST

Ngày: 23/6/2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Thùy Trang

2. Ông Bùi Quang Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên

Ngày 23/6/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 46/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị X, sinh năm: 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Bùn Núi A, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn L, sinh năm: 1966 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Bùn Núi A, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2020, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 22/5/2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn: Bà X và ông Lê Văn L tự nguyện sống chung vào năm 1998 và đến năm 2002 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Thành.

Trước khi kết hôn vợ chồng có tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 01 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập tại xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. đến năm 2000 đến sống tại xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Đến năm 2006 thì đến sống tại ấp Bùn Núi A, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước cho đến nay.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông L rượu chè cờ bạc, gia trưởng, thậm chí cờ bạc cầm xe, tự bán cao su, ngày nào cũng uống rượu say xỉn, chửi bới bà X nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà X đã ly thân với ông L từ đầu năm 2020. Nay bà X xin ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà X và ông L có 02 con chung, con tên Lê Duy Cường – sinh ngày: 20/11/1998, con tên Lê Thị Kim Trang – sinh năm: 22/12/2003. Khi ly hôn, đối với con tên Cường đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với con tên Trang thì tùy theo nguyện vọng của con muốn sống với cha hoặc mẹ thì người đó nuôi dưỡng. Hiện bà X không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện, bà X yêu cầu chia tài sản đối với thửa đất tọa lạc ấp Bù Núi A, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước diện tích 2.800m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4, 300 nóc tiều. Bà X yêu cầu chia ½ diện tích thửa đất. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà X có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc chia tài sản chung. Bà X và ông L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết,

Về nợ chung: Bà X và ông L không nợ ai, cũng không ai nợ lại.

Ông Lê Văn L vắng mặt. Căn cứ biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn L trình bày:

Ông L thống nhất với bà X về quan hệ hôn nhân, thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn. Ông L thừa nhận là ông L có chơi đánh bài lúc Tết có cầm xe nhưng do bà X không đưa tiền chuộc xe nên ông L phải bán xe để trả tiền nợ, ông L cũng thừa nhận ông L có uống rượu nhiều vì ông L bị nghiện rượu, phải uống rượu mới làm việc được, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau nhưng ông L chỉ chửi thề thôi chứ không có đánh bà X, nhưng một phần lỗi cũng do bà X, bà X chơi bảo hiểm cứ đóng tiền bảo hiểm, ông L nói bà X dừng lại nhưng không dừng, sống chung nhà nhưng bà X cứ ăn riêng không nói năng gì nên ông L mới bức tức cãi nhau với bà X nhưng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà X thì ông L không đồng ý ly hôn vì ông L còn yêu thương bà X.

Về con chung: Ông L và bà X có 02 con chung, con tên Lê Duy Cường – sinh ngày: 20/11/1998, con tên Lê Thị Kim Trang – sinh năm: 22/12/2003. Trong trường hợp giải quyết ly hôn ông L không có ý kiến gì về con chung. Hiện bà X không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

Về tài sản chung: Ông L và bà X tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tố tụng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X. Cho bà X được ly hôn với ông L.

Về con chung: Giao cho bà X nuôi con tên Lê Thị Kim Trang – sinh năm: 22/12/2003.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà X không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà X và ông L không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí: Đương sự chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Đặng Thị X có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với ông Lê Văn L. Xét thấy ông L cư trú tại ấp Bùn Núi A, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà X và ông L tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại UBND xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông L là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà X, xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, bà X và ông L thống nhất vợ chồng có phất sinh mâu thuẫn. Bà X trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là ông L rượu chè cờ bạc, gia trưởng, thậm chí cờ bạc cầm xe, tự bán cao su, ngày nào cũng uống rượu say xỉn, chửi bà X, dẫn đến cuộc sống nhân không hạnh phúc nên xin được ly hôn với ông L, ông L thừa nhận có chơi đánh bài lúc Tết có cầm xe, ông L cũng thừa nhận ông L có uống rượu nhiều vì ông L bị nghiện rượu, phải uống rượu mới làm việc được, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, ông L chỉ chửi thề thôi chứ không có đánh bà X. nhưng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà X thì ông L không đồng ý ly hôn vì ông L còn yêu thương bà X.

Tại phiên tòa bà X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định không còn tình cảm với ông L. Đối với ông L, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông L không đưa ra được ý kiến và biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà X và ông L đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ

vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà X.

[4]. Về con chung: Bà X và ông L có 02 con chung tên con tên Lê Duy Cường – sinh ngày: 20/11/1998, con tên Lê Thị Kim Trang – sinh năm: 22/12/2003.

Xét thấy con tên Lê Duy Cường đã trưởng thành, con tên Lê Thị Kim Trang có ý kiến nguyện vọng được sống chung với bà X nên giao con cho bà X nuôi là phù hợp

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6]. Về tài sản chung: Bà X đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung, bà X và ông L tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà X.

[7]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9]. Về án phí Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí kiện dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà X phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Đặng Thị X;

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đặng Thị X được ly hôn với ông Lê Văn L.

Về con chung: Giao cho bà X nuôi con tên Lê Thị Kim Trang – sinh năm: 22/12/2003.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà X.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2/ Về án phí Bà X chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp, sau khi khấu trừ Chi cục thi hành án dân sự huyện

Lộc Ninh trả lại cho bà X số tiền 2.500.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000829 ngày 24/02/2020.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quốc Tú